

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST
Ngày 31-12-2020
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Minh Tùng

Bà Lưu Thị Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Văn Đông - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Mai Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2020 về việc xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2020/QĐXX-ST ngày 14 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Dương Thị N, sinh năm 1990

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã C, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Dương Công L, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Dương Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị N kết hôn với anh Dương Công L vào đầu năm 2010, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn, tình cảm vợ chồng thời gian

đầu bình thường. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2012, nguyên nhân là do anh L không tu chí làm ăn hay đi đánh lô đề, cờ bạc, rồi đi trộm xe máy bị Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn xử phạt 30 tháng tù giam, bị Tòa án nhân dân huyện Văn Quan xử phạt 18 tháng tù giam, sau khi đi chấp hành án về anh Ly vẫn không chịu tu chí làm ăn, năm 2018 chị N phát hiện anh L có sử dụng ma túy nên đến năm 2019 xuống tỉnh Bắc Ninh làm thuê thì lại đi trộm cắp tài sản, ngày 28/11/2019 bị Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 12 tháng tù giam, đến ngày 04/9/2020 chấp hành xong hình phạt trở về địa phương. Quá trình chung sống cùng anh L chị N và gia đình đã rất nhiều lần khuyên bảo nhưng anh L không nghe. Từ tháng 9 năm 2019 anh L đi chấp hành án thì chị N không còn hỏi thăm, quan tâm gì đến anh L nữa. Từ ngày anh L chấp hành xong hình phạt (ngày 04/9/2020) thì chị N không về nhà ở cùng anh L nữa, chị chỉ đi lại thăm con, những lúc được nghỉ chị đều đón con về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Bá, xã V, huyện B. Hiện nay anh L yêu cầu đoàn tụ nhưng chị N thấy không thể tiếp tục chung sống cùng anh L nữa vì chị không còn tình cảm vợ chồng với anh L. Chị N yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: Có 01 người con chung tên là Dương Thị Mai D, sinh ngày 04/12/2010. Khi ly hôn chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay cháu Dương Thị Mai D đang học lớp 5, trường tiểu học và trung học cơ sở C, huyện B. Hiện nay chị N đang đi làm tại công ty cổ phần UIL. Việt Nam tại khu công nghiệp Q thuộc xã P, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh, mức thu nhập hàng tháng của chị trung bình là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng)/tháng, cứ đi làm được 1- 2 tuần chị lại về nhà thăm con, chi phí cho việc học tập và sinh hoạt hàng ngày của con chị từ trước đến nay vẫn là do chị N lo toàn bộ. L do chị N yêu cầu được nuôi con là vì cháu là con gái, chị có điều kiện chăm lo cho cháu tốt hơn, còn nếu để anh L nuôi con thì chị thấy không đảm bảo vì anh L hay vi phạm pháp luật, không chịu tu chí làm ăn, sẽ làm ảnh hưởng đến tương lai sau này của con chị.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Dương Công L trình bày:

Anh Dương Công L kết hôn với chị Dương Thị N vào năm 2010, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2012 do anh đi trộm cắp xe máy nên đã bị Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 30 tháng tù; bị Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 18 tháng tù. Trong thời gian anh đi chấp hành án chị N vẫn quan tâm và đi lại hỏi thăm. Sau khi ra tù năm 2016 anh L xuống tỉnh Bắc Ninh làm công nhân cùng chị N. Đến năm 2019, anh L tiếp tục phạm tội trộm cắp tài sản và bị Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 12 tháng tù. Ngày 04/9/2020, anh L chấp hành án xong trở về địa phương, từ khi anh L đi chấp hành án đến nay thì chị N không còn quan tâm gì đến anh nữa, tình cảm vợ chồng dần phai nhạt. Trước đây anh có sử dụng ma túy, hiện nay anh không còn

sử dụng nữa. Hiện nay chị N yêu cầu ly hôn thì anh không nhất trí vì anh vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị N, anh muốn đoàn tụ gia đình để cùng nhau nuôi dạy con và để anh có cơ hội làm lại cuộc đời.

Về con chung: Có 01 người con chung tên là Dương Thị Mai D, sinh ngày 14/12/2010. Khi ly hôn anh L yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra thông báo mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 48, 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn chị Dương Thị N và bị đơn anh Dương Công L đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị N, xử cho chị Dương Thị N được ly hôn với anh Dương Công L. Về con chung: Giao con chung tên là Dương Thị Mai D, sinh ngày 14/12/2010 cho chị Dương Thị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi); anh Dương Công L không phải cấp dưỡng nuôi con chung; anh Dương Công L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết. Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Dương Thị N khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Dương Công L có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã C, huyện B. Do đó, căn cứ Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Sau khi thụ L vụ án Tòa án đã triệu tập, thông báo cho các đương sự yêu cầu viết bản khai theo quy định, cung cấp tài liệu chứng cứ và tham gia phiên họp và phiên hòa giải. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Dương Thị N và bị đơn anh Dương Công L đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tình cảm: Quan hệ hôn nhân giữa chị Dương Thị N và anh Dương Công L là toàn tự nguyện, có đăng ký hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 08/11/2010 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Dương Thị N và anh Dương Công L là hợp pháp. Quá trình chung sống cả chị Dương Thị N và anh Dương Công L đều cho rằng vợ chồng có cãi chửi, không đánh nhau, nguyên nhân là do anh Dương Công L không tu chí làm ăn lương thiện, đã nhiều lần vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành án theo quy định của pháp luật. Vợ chồng đã ly thân, không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống từ năm 2019 đến nay, hiện nay chị N không còn tình cảm vợ chồng với anh L, chị yêu cầu được ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh L cho rằng anh vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị N, anh yêu cầu đoàn tụ gia đình để cùng nhau nuôi dạy con.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình chung sống anh Dương Công L không chịu tu chí làm ăn, nhiều lần vi phạm pháp luật; giữa chị Dương Thị N và anh Dương Công L đã không còn chung sống với nhau, không còn tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu xin ly hôn của chị Dương Thị N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[5] Về con chung: Chị Dương Thị N và anh Dương Công L có 01 người con chung tên là Dương Thị Mai D, sinh ngày 04/12/2010. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa cả chị Dương Thị N và anh Dương Công L đều yêu cầu được nuôi con và đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con

[6] Hội đồng xét xử xét thấy về điều kiện nuôi con hiện nay chị N đang đi làm thuê, mức thu nhập trung bình hàng tháng là 10.000.000 đồng/tháng, chi phí cho việc sinh hoạt cũng như học tập của cháu D từ trước đến nay đều do chị N lo; quá trình giải quyết vụ án anh L trình bày anh ở nhà làm ruộng, tại phiên tòa anh Dương Công L trình bày hiện nay mới đi làm công nhân ở tỉnh Bắc Ninh, mức thu nhập được 8.000.000 đồng/tháng. Chị N cho rằng lý do chị yêu cầu nuôi con là vì do con của anh chị là con gái, nếu giao con để anh L nuôi dưỡng thì chị thấy không đảm bảo vì anh L hay vi phạm pháp luật, không chịu tu chí làm ăn, sẽ làm ảnh hưởng đến tương lai sau này của con. Hội đồng xét xử xét thấy về điều kiện và lý do yêu cầu được trực tiếp nuôi con của chị N là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung là cháu Dương Thị Mai D, sinh ngày 04/12/2010 cho chị Dương Thị N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi

trưởng thành (đủ 18 tuổi), đó cũng là nguyện vọng của cháu Dương Thị Mai D, anh Dương Công L không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị N không yêu cầu. Anh Dương Công L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[7] Về tài sản chung vợ chồng: Cả chị Dương Thị N và anh Dương Công L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa cả chị Dương Thị N và anh Dương Công L đều trình bày là không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Dương Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước. Xác nhận chị Dương Thị N đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2012/05899 ngày 14/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

[11] Nguyên đơn chị Dương Thị N và bị đơn anh Dương Công L có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 56; Điều 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Dương Thị N được ly hôn với anh Dương Công L.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Dương Thị Mai D, sinh ngày 04/12/2010 cho chị Dương Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh Dương Công L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Dương Công L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Buộc chị Dương Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước. Xác nhận chị Dương Thị N đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2012/05899 ngày 14/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Dương Thị N và bị đơn anh Dương Công L có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã V, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Thị Ngọc